

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚ MỸ
TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 02/2025/KDTM-ST
Ngày : 20-01-2025
Về việc: *Tranh chấp hợp đồng tín dụng*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang
Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Sơn
Bà Nguyễn Thị Bạch Gương
- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lâm Công Chức – Cán bộ Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ tham gia phiên tòa:***
Ông Lê Nguyễn Trường Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 68/2024/TLST-KDTM ngày 22 tháng 10 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2024/QĐXXST-KDTM ngày 02 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18 /2024/QĐST-KDTM ngày 30 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ (Đ)
Trụ sở: Tháp Đ, số A đường T, phường L, quận H, Thành phố Hà Nội.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thanh T1 – Chức vụ: Giám đốc chi nhánh P.

Người đại diện ủy quyền tham gia tố tụng (theo Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng số 899/GUQ0BIDV.PM ngày 16/9/2024):

- Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1984 – Chức vụ: Giám đốc phòng G – Chi nhánh P - Ngân hàng TMCP Đ.

- Bà Trần Thị Trung T2, sinh năm 1984 – Chức vụ: Trưởng phòng quản lý rủi ro – Chi nhánh P - Ngân hàng TMCP Đ.

- Ông Nguyễn Hữu A, sinh năm 1987 – Chức vụ: Phó Giám đốc phòng G – Chi nhánh P - Ngân hàng TMCP Đ.

- Bà Hồ Cẩm C, sinh năm 1989 – Chức vụ: Phó Trưởng phòng quản lý rủi ro – Chi nhánh P - Ngân hàng TMCP Đ.

- Ông Nguyễn Chí T3, sinh năm: 1994 – Chuyên viên trung tâm xử lý nợ - Ngân hàng TMCP Đ.

Địa chỉ chi nhánh P: Số B đường Đ, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Bị đơn: Ông Vũ Văn S, SN 1978 và bà Đỗ Thị H1, SN 1982

Cùng địa chỉ: Số H đường C, phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Vắng mặt xét xử lần 2 không lý do chính đáng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14 tháng 12 năm 2022, bản tự khai và qua các buổi làm việc, đại diện Ngân hàng TMCP Đ trình bày:

Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh P - P1 và Ông Vũ Văn S và Bà Đỗ Thị H1 có ký kết các hợp đồng tín dụng, cụ thể như sau:

1. Hợp đồng tín dụng số 01/2016/7784219 ngày 06/07/2016: Số tiền vay: 17.799.000.000 đồng (Mười bảy tỷ bảy trăm chín mươi chín triệu đồng); Thời hạn vay: 16 năm (192 tháng); Lãi suất vay: Bên vay được ngân sách nhà nước cấp bù một phần lãi suất đối với khoản vay theo Hợp đồng này khi đáp ứng các điều kiện Bên vay sử dụng vốn vay đúng mục đích quy định tại Hợp đồng này, Khoản vay trong hạn hoặc khoản vay bị rủi ro do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng (tàu bị thiên tai trên biển; tàu bị nước ngoài bắt giữ sau đó trả lại; bị tàu nước ngoài hoặc tàu hải tặc đâm va) được Ngân hàng cơ cấu lại nợ theo quy định của Ngân hàng N.

- Lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất cho vay trong hạn trong năm đầu tính từ ngày ký kết hợp đồng tín dụng là 7%/năm (bao gồm cả khoản lãi được ngân sách nhà nước cấp bù nếu Bên vay đủ điều kiện). Lãi suất cho vay trong các năm tiếp theo Đ thông báo trên cơ sở thông báo của Ngân hàng N.

- Lãi suất nợ quá hạn: Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% Lãi suất cho vay
Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Vũ Văn S và Bà Đỗ Thị H1 chỉ mới thanh toán được cho ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số 01/2016/7784219 ngày 06/07/2016 từ thời điểm ký kết cho đến ngày 20/01/2025 là: 1.192.235.758 đồng, cụ thể: nợ gốc: 1.027.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 161.610.973 đồng.

Tạm tính đến hết ngày 20/01/2025 ông S, bà H1 còn nợ Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền là 22.254.867.713 đồng, trong đó: Nợ gốc: 16.772.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 4.892.921.243 đồng; Lãi quá hạn: 589.946.470 đồng

2. Hợp đồng tín dụng số 01/2017/7784219/HĐTD ngày 01/08/2017 : Số tiền vay: 17.995.000.000 đồng (Mười bảy tỷ chín trăm chín mươi lăm triệu đồng); Thời hạn vay: 16 năm (192 tháng)

- Lãi suất vay: Lãi suất cho vay trong hạn trong năm đầu tính từ ngày ký kết hợp đồng tín dụng là 7%/năm (bao gồm cả khoản lãi được ngân sách nhà nước cấp bù nếu Bên vay đủ điều kiện). Lãi suất cho vay trong các năm tiếp theo Đ thông báo trên cơ sở thông báo của Ngân hàng N.

Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% Lãi suất cho vay trong hạn.

Bên vay được ngân sách nhà nước cấp bù một phần lãi suất đối với khoản vay theo Hợp đồng này khi đáp ứng các điều kiện sau bên vay sử dụng vốn vay đúng mục đích, khoản vay trong hạn hoặc khoản vay bị rủi ro do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng (tàu bị thiên tai trên biển; tàu bị nước ngoài bắt giữ sau đó trả lại; bị tàu nước ngoài hoặc tàu hải tặc đâm va) được Ngân hàng cơ cấu lại nợ theo quy định của Ngân hàng N.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Vũ Văn S và Bà Đỗ Thị H1 chỉ mới thanh toán được cho ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số 01/2017/7784219/HĐTD ngày 01/08/2017 từ thời điểm ký kết đến ngày 20/01/2025 là 156.233.067 đồng, trong đó nợ gốc: 150.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 5.477.930 đồng;

Tạm tính đến hết ngày 21/01/2025 ông S, bà H1 còn nợ Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền là 23.405.323.815 đồng, trong đó: Nợ gốc: 17.845.000.000đ; Lãi trong hạn: 5.039.844.623 đồng; Lãi quá hạn: 520.479.192 đồng.

Để bảo đảm cho các khoản vay trên, ông Vũ Văn S và bà Đỗ Thị H1 thế chấp các tài sản sau:

- Thửa đất số 56, tờ bản đồ số 75, diện tích: 156,4 m² (thổ cư), tọa lạc tại xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, đã được cấp giấy chứng nhận QSD quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 914896 do UBND Huyện L cấp ngày 11/02/2015 cho Ông Vũ Văn S và Bà Đỗ Thị H1 theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2016/7784219/HĐBĐ ký ngày 06/07/2016, được Công chứng tại Văn phòng công chứng Nguyễn Dân, số C, quyền số 01 TP CC-SCC HĐGD ngày 18/7/2016 và đã được Đăng ký thế chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện L.

- Tàu cá số BV -97039-TS do Chi cục khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản tỉnh BRVT cấp ngày 04/07/2013. Tàu cá chiều dài 20,9m, Chiều rộng 5,63m, Chiều cao mồm 2,8m. Vật liệu vỏ: gỗ, máy HINO Nhật công suất 460 sức ngựa; Giấy đăng ký số BV -97039-TS do Chi cục khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản tỉnh BRVT cấp ngày 04/07/2013 cho ông Vũ Văn S và đã được Đăng ký thế chấp tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Đà Nẵng theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 03/2016/7784219/HĐBĐ ngày 06/07/2016, được công chứng tại Văn phòng C1, số C, quyền số 01 TP/CC- SCC HĐGD ngày 18/7/2016.

- Tàu Đồng Tiến 02 (chiều dài: 29,5m, chiều rộng: 7,4m, chiều cao: 3,1m, chiều chìm: 2,2m. Máy YANMAR 6HYM-WET và YANMAR 6HA2M-WDT công suất 650 & 405 sức ngựa), đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số BV-96679-TS do Chi cục thủy sản tỉnh B cấp ngày 31/10/2016 cho ông Vũ Văn S theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/2016/7222619/HĐBĐ ngày 06/07/2016, được công chứng tại Văn phòng C1, số công chứng 835, quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 18/7/2016; Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/2016/7222619/HĐBĐ ngày 06/07/2016 số 01/2016/7784219/SĐBS ngày 12/12/2016, được công chứng tại Văn phòng C1, số 380, quyền số 01 TP/CC-

SCC/HĐGD ngày 13/12/2016 và đã được Đăng ký thế chấp tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Đà Nẵng.

- Tàu Đồng Tiến 04 (chiều dài: 29,5m, chiều rộng: 7,4m, chiều cao mạn: 3,1m, chiều chìm: 2,2m, mạn khô: 0,9. Máy YANMAR 6HYM-WET và YANMAR 6HA2M-WDT công suất 650 & 405 sức ngựa) và ngư cụ nghề cá hóa đơn VAT số 0000024, 0000025, 0000026 do CT TNHH TM DV Thức Thế xuất, hiện tàu đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số BV-95578-TS do Chi cục thủy sản tỉnh B cấp ngày 9/11/2017 cho ông Vũ Văn S theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/2017/7784219/HĐBĐ ngày 01/08/2017, được công chứng tại Văn phòng C2, số A, quyền số 01.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 01/08/2017, Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/2017/7784219/HĐBĐ ngày 01/08/2017 số 02/2017/7784219/SĐBS ngày 9/11/2017, được công chứng tại Văn phòng C2, số D, quyền số 01.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 6/4/2018 và đã được Đăng ký thế chấp tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Đà Nẵng.

Trong quá trình vay vốn, ông Vũ Văn S, bà Đỗ Thị H1 nhiều lần vi phạm nghĩa vụ trả nợ, mặc dù đã được Ngân hàng nhiều lần làm việc trực tiếp cũng như thông báo, nhắc nhở bằng văn bản về việc trả nợ ngân hàng tuy nhiên khách hàng đã không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán.

Nay, Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Buộc ông Vũ Văn S, bà Đỗ Thị H1 có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số nợ cho Ngân hàng TMCP Đ tạm tính đến hết ngày 20/01/2025 với tổng số tiền là 45.660.191.528đ (Bốn mươi lăm tỷ, sáu trăm sáu mươi triệu, một trăm chín mươi một ngàn, năm trăm hai mươi tám đồng); trong đó: nợ gốc: 34.617.000.000đ (Ba mươi bốn tỷ, sáu trăm mười bảy triệu đồng); Lãi trong hạn: 9.932.765.866đ (Chín tỷ, chín trăm ba mươi hai triệu, bảy trăm sáu mươi lăm ngàn, tám trăm sáu mươi sáu đồng); Lãi quá hạn: 1.110.425.662đ (Một tỷ, một trăm mười triệu, bốn trăm hai mươi lăm ngàn, sáu trăm sáu mươi hai đồng). Cụ thể: Hợp đồng tín dụng số 01/2016/7784219/HĐTD ngày 06/07/2016: nợ gốc: 16.772.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 4.892.921.243 đồng; Lãi quá hạn: 589.946.470 đồng; Hợp đồng tín dụng số 01/2017/7784219/HĐTD ngày 01/08/2017: Nợ gốc: 17.845.000.000đ; Lãi trong hạn: 5.039.844.623 đồng; Lãi phạt quá hạn: 520.479.192 đồng.

- Và tiền lãi tiếp tục phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng đã được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Đ và ông Vũ Văn S, bà Đỗ Thị H1 kể từ ngày 21/01/2025 cho đến khi ông S, bà H1 trả dứt nợ.

Trong trường hợp ông Vũ Văn S, bà Đỗ Thị H1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng TMCP Đ được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản đảm bảo để thu hồi nợ, gồm:

- Thửa đất số 56, tờ bản đồ số 75, diện tích: 156,4 m² (thổ cư), tọa lạc tại xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2016/7784219/HĐBĐ ký ngày 06/07/2016, được Công chứng tại Văn phòng công chứng Nguyễn Dân, số C, quyền số 01 TP CC-SCC HĐGD ngày 18/7/2016 và toàn bộ tài sản, vật kiến trúc gắn liền với đất.

- Tàu cá (chiều dài 20,9m, Chiều rộng 5,63m, Chiều cao mạm 2,8m. Vật liệu vỏ: gỗ, máy HINO Nhật, số máy: A18969; công suất 460 sức ngựa) theo Giấy đăng ký tàu cá số BV-97039-TS do Chi cục khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản tỉnh BRVT cấp ngày 04/07/2013 cấp cho Ông Vũ Văn S theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 03/2016/7784219/HĐBĐ ngày 06/07/2016, được công chứng tại Văn phòng C1, số C, quyền số 01 TP/CC- SCC HĐGD ngày 18/7/2016.

- Tàu cá (Tàu Đồng Tiến 02; chiều dài: 29,5m, chiều rộng: 7,4m, chiều cao: 3,1m, chiều chìm: 2,2m. Chất liệu vỏ thép; Máy YANMAR 6HYM-WET (số máy: 3314) và YANMAR 6HA2M-WDT (số máy: 2119) công suất 650 & 405 sức ngựa), đã được cấp Giấy đăng ký tàu cá số BV-96679-TS do Chi cục thủy sản tỉnh B cấp ngày 31/10/2016 cho ông Vũ Văn S theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/2016/7222619/HĐBĐ ngày 06/07/2016, được công chứng tại Văn phòng C1, số công chứng 835, quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 18/7/2016; Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/2016/7222619/HĐBĐ ngày 06/07/2016 số 01/2016/7784219/SĐBS ngày 12/12/2016, được công chứng tại Văn phòng C1, số 380, quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 13/12/2016.

- Tàu cá (Tàu Đồng Tiến 04; chiều dài: 29,5m, chiều rộng: 7,4m, chiều cao mạm: 3,1m, chiều chìm: 2,2m, mạn khô: 0,9m; Chất liệu vỏ thép; Máy YANMAR 6HYM-WET (số máy: 3858) và YANMAR 6HA2M-WDT (số máy: 2334) ; công suất 650 & 405 sức ngựa) đã được cấp Giấy đăng ký tàu cá số BV-95578-TS do Chi cục thủy sản tỉnh B cấp ngày 9/11/2017 cho ông Vũ Văn S theo đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/2017/7784219/HĐBĐ ngày 01/08/2017, được công chứng tại Văn phòng C2, số A, quyền số 01.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 01/08/2017, Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/2017/7784219/HĐBĐ ngày 01/08/2017 số 02/2017/7784219/SĐBS ngày 9/11/2017, được công chứng tại Văn phòng C2, số D, quyền số 01.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 6/4/2018.

Quá trình làm việc, bị đơn ông Vũ Văn S trình bày:

Năm 2016 – 2017 ông S, bà H1 được UBND tỉnh B và Ngân hàng Đ chi nhánh P, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cho phép được đóng tàu vỏ thép theo Nghị định 67 của Chính phủ đánh bắt xa bờ tạo nguồn lực làm kinh tế cho gia đình và tham gia bảo vệ đấu tranh quyền chủ quyền trên biển nước CHXHCN Việt Nam. Nguồn tiền do Ngân hàng Đ chi nhánh P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cho vay. Trong quá trình đóng tàu, phía ngân hàng có thẩm định và yêu cầu gia đình ông phải bổ sung thêm tài sản thế chấp là thửa đất số 56, tờ bản đồ số 75, diện tích: 156,4 m² (thổ cư), tọa lạc tại xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, đã được UBND Huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 914896 ngày 11/02/2015 cho ông Vũ Văn S và bà Đỗ Thị H1 và 01 Giấy đăng ký tàu cá số BV 97039-TS do Chi cục khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp năm 2013 để thế chấp đảm bảo cho các khoản vay. Sau khi đóng tàu xong, quá trình đi vào sử dụng khai thác có gặp rất nhiều khó khăn, ngư trường đánh bắt hạn hẹp, nguồn lợi thủy sản cạn

kiệt dẫn đến nguồn thu nên không có tiền trả nợ cho ngân hàng. Ông S cho rằng theo quy định của Chính phủ cho ngư dân đóng tàu vỏ thép chủ tàu chỉ phải đóng tiền đối ứng 1% giá trị con tàu và thế chấp chính con tàu đã đóng cho ngân hàng và phía ngân hàng Đ yêu cầu ông phải thế chấp bổ sung Giấy quyền sử dụng đất và Giấy đăng ký tàu cá là không đúng với luật của Nghị định 67 của Chính phủ đề ra.

Ông yêu cầu Ngân hàng Đ chi nhánh P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu trả lại tài sản thế chấp là thửa đất số 56, tờ bản đồ số 75, diện tích: 156,4 m² (thổ cư), tọa lạc tại xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, đã được UBND Huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 914896 ngày 11/02/2015 cho ông Vũ Văn S và bà Đỗ Thị H1 và 01 Giấy đăng ký tàu cá số BV 97039-TS do Chi cục khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản tỉnh B cấp cho ông Vũ Văn S, bà Đỗ Thị H1.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Vũ Văn S, bà Đỗ Thị H1 nhiều lần vắng mặt các buổi làm việc, các phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hoà giải, xét xử không lý do chính đáng.

Đến thời điểm mở phiên toà, các bên đương sự không tự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì mới về vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ nhận xét về trình tự tố tụng và nội dung vụ án như sau :

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự tố tụng; phía nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn chưa thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về thẩm quyền thụ lý: Hai bên thoả thuận lựa chọn Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ nơi Ngân hàng TMCP Đ – chi nhánh P có trụ sở hoạt động theo biên bản làm việc ngày 08/11/2022. Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 BLTTDS 2015, Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu thụ lý là đúng thẩm quyền.

Về nội dung:

Đối với yêu cầu khởi kiện về việc thanh toán tiền nợ gốc và các khoản tiền lãi:

Xét thấy, từ ngày 06/7/2016 đến ngày 01/8/2017 Ngân hàng TMCP Đ và ông Vũ Văn S, bà Đỗ Thị H1 có ký kết các Hợp đồng tín dụng số: 01/2016/7784219 được ký kết ngày 06/07/2016 giữa Ngân hàng với Ông Vũ Văn S và Bà Đỗ Thị H1 với số tiền vay ban đầu 17.799.000.000 đồng (Mười bảy tỷ bảy trăm chín mươi chín triệu đồng) và Hợp đồng tín dụng số: 01/2017/7784219/HĐTD ngày 01/08/2017 giữa Ngân hàng với Ông Vũ Văn S và Bà Đỗ Thị H1 với số tiền vay ban đầu 17.995.000.000 đồng (Mười bảy tỷ chín trăm chín mươi lăm triệu đồng) là hoàn toàn có thật, hợp đồng có chữ ký của hai bên. Tại thời điểm ký kết hợp đồng các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, hoàn toàn tự nguyện; Mục đích và nội dung của thoả thuận không vi

phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, đảm bảo điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 117 Bộ luật Dân sự. Ngân hàng TMCP Đ đã giải ngân toàn bộ số tiền là 35.794.000.000đ (Ba mươi lăm tỷ, bảy trăm chín mươi bốn triệu đồng) cho ông S, bà H1. Tuy nhiên, quá trình thực hiện hợp đồng, ông S, bà H1 nhiều lần vi phạm nghĩa vụ, không thực hiện việc trả nợ gốc, lãi hàng tháng như đã thoả thuận tại khoản 6, Điều 8 của Hợp đồng tín dụng nên Ngân hàng TMCP Đ đã chuyển sang nợ quá hạn và áp dụng mức lãi suất quá hạn với mức lãi suất 130% lãi suất trong hạn theo quy định Điều 4 của Hợp đồng đã được hai bên ký kết là hoàn toàn có cơ sở.

Căn cứ bảng theo dõi tài khoản vay và bảng tính lãi phạt gốc quá hạn tạm tính đến ngày 20/01/2025: Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông Vũ Văn S, bà Đỗ Thị H1 đã thanh toán được cho Ngân hàng TMCP Đ với tổng số tiền 1.389.088.903 đồng (Một tỷ, ba trăm tám mươi chín triệu, không trăm tám mươi tám ngàn, chín trăm lẻ ba đồng), trong đó Hợp đồng tín dụng số 01/2016/7784219 ngày 06/07/2016 là 1.192.235.758 đồng (Gốc: 1.027.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 161.610.973 đồng); Hợp đồng tín dụng số 01/2017/7784219/HĐTD ngày 01/08/2017 đến thời điểm khởi kiện là: 156.233.067 đồng (Nợ gốc: 150.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 5.477.930 đồng).

Tính đến ngày 20/1/2025, ông Vũ Văn S, bà Đỗ Thị H1 còn nợ cho Ngân hàng TMCP Đ với tổng số tiền là 45.660.191.528đ (Bốn mươi lăm tỷ, sáu trăm sáu mươi triệu, một trăm chín mươi một ngàn, năm trăm hai mươi tám đồng); trong đó: nợ gốc: 34.617.000.000đ (Ba mươi bốn tỷ, sáu trăm mười bảy triệu đồng); Lãi trong hạn: 9.932.765.866đ (Chín tỷ, chín trăm ba mươi hai triệu, bảy trăm sáu mươi lăm ngàn, tám trăm sáu mươi sáu đồng); Lãi quá hạn: 1.110.425.662đ (Một tỷ, một trăm mười triệu, bốn trăm hai mươi lăm ngàn, sáu trăm sáu mươi hai đồng).

Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ đối với ông Vũ Văn S, bà Đỗ Thị H1 đối với phần nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn và tiền lãi phát sinh từ ngày 21/01/2025 cho đến khi trả hết nợ là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Xét thấy, các tài sản thế chấp thuộc quyền sử dụng và sở hữu hợp pháp của bên thế chấp; tại thời điểm ký kết hợp đồng thế chấp các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, hoàn toàn tự nguyện; Mục đích và nội dung của thoả thuận không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, đảm bảo điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 117 Bộ luật Dân sự; đảm bảo quy định về hình thức, có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền, việc thế chấp có đăng ký giao dịch đảm bảo. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định các hợp đồng thế chấp nói có hiệu lực pháp luật. Vì vậy, trong trường hợp ông S, bà H1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi các tài sản đảm bảo nói trên để thu hồi nợ là có cơ sở nên đề nghị chấp nhận.

Từ những phân tích đã nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn

bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ đối với Vũ Văn S, bà Đỗ Thị H1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. *Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật:* Ngân hàng TMCP Đ và ông Vũ Văn S, bà Đỗ Thị H1 đã ký kết hợp đồng tín dụng với mục đích đầu tư đóng mới tàu vỏ thép và mua trang thiết bị ngư lưới cụ phục vụ khai thác hải sản theo Nghị định 67/CP; Hai bên thỏa thuận lựa chọn thẩm quyền giải quyết tranh chấp là Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ. Nay các bên có tranh chấp về hợp đồng trên nên xác định đây là vụ án kinh doanh thương mại có quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

[1.2]. *Về sự có mặt, vắng mặt của những người tham gia tố tụng:* Bị đơn nhiều lần vắng mặt không lý do chính đáng nên áp dụng khoản 2 điều 227 và khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Ngân hàng thương mại cổ phần Đ được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp A1, đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 4 năm 1993, đăng ký thay đổi lần thứ 27 ngày 01 tháng 3 năm 2022 với ngành nghề kinh doanh: huy động vốn ngắn hạn, trung hạn, dài hạn dưới các hình thức tiền gửi có kỳ hạn, không kỳ hạn....; Cho vay ngắn hạn, trung hạn, dài hạn, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và giấy tờ có giá và các hoạt động khác...;

[2.2]. *Xét các yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ đối với ông Vũ Văn S và bà Đỗ Thị H1:*

[2.2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện về việc thanh toán tiền nợ gốc và các khoản tiền lãi thì thấy: Từ ngày 06/7/2016 đến ngày 01/8/2017 Ngân hàng TMCP Đ và ông Vũ Văn S, bà Đỗ Thị H1 có ký kết các Hợp đồng tín dụng số 01/2016/7784219 ngày 06/07/2016 với số tiền vay là 17.799.000.000 đồng (Mười bảy tỷ bảy trăm chín mươi chín triệu đồng) và Hợp đồng tín dụng số 01/2017/7784219/HĐTD ngày 01/08/2017 với số tiền vay là 17.995.000.000 đồng (Mười bảy tỷ chín trăm chín mươi lăm triệu đồng) là hoàn toàn có thật, hợp đồng có chữ ký của hai bên. Tại thời điểm ký kết hợp đồng các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, hoàn toàn tự nguyện; Mục đích và nội dung của thỏa thuận không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, đảm bảo điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự.

Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng TMCP Đ đã giải ngân toàn bộ số tiền là 35.794.000.000đ (Ba mươi lăm tỷ, bảy trăm chín mươi bốn triệu đồng) cho ông S, bà H1 cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 01/2016/7784219 ngày 06/07/2016:

- + Ngày 09/8/2016 giải ngân 9.091.000.000đ, thể hiện tại bảng kê rút vốn và ủy nhiệm chi ngày 09/8/2016
- + Ngày 13/9/2016 giải ngân 3.082.000.000đ, thể hiện tại bảng kê rút vốn và ủy nhiệm chi ngày 09/8/2016
- + Ngày 27/9/2016 giải ngân 3.079.000.000đ, thể hiện tại bảng kê rút vốn và ủy nhiệm chi ngày 17/9/2016
- + Ngày 13/12/2016 giải ngân 1.482.000.000đ, thể hiện tại bảng kê rút vốn và ủy nhiệm chi ngày 26/9/2016
- + Ngày 25/10/2016 giải ngân 1.065.000.000đ, thể hiện tại bảng kê rút vốn và ủy nhiệm chi ngày 12/12/2016
- Hợp đồng tín dụng số: 01/2017/7784219/HĐTD ngày 01/08/2017:
 - + Ngày 18/8/2017 giải ngân số tiền 5.677.000.000đ, thể hiện tại bảng kê rút vốn và ủy nhiệm chi ngày 10/8/2017
 - + Ngày 06/9/2017 giải ngân số tiền 3.143.000.000đ, thể hiện tại bảng kê rút vốn và ủy nhiệm chi ngày 18/8/2017
 - + Ngày 08/9/2017 giải ngân số tiền 2.388.000.000đ, thể hiện tại bảng kê rút vốn và ủy nhiệm chi ngày 05/9/2027
 - + Ngày 10/10/2017 giải ngân số tiền 2.984.000.000đ, thể hiện tại bảng kê rút vốn và ủy nhiệm chi ngày 08/9/2017
 - + Ngày 29/11/2017 giải ngân số tiền 1.068.000.000đ, thể hiện tại bảng kê rút vốn và ủy nhiệm chi ngày 10/10/2017
 - + Ngày 25/11/2017 giải ngân số tiền 2.735.000.000đ, thể hiện tại bảng kê rút vốn và ủy nhiệm chi ngày 21/11/2017

Tuy nhiên, quá trình thực hiện hợp đồng, ông S, bà H1 nhiều lần vi phạm nghĩa vụ, không thực hiện việc trả nợ gốc, lãi hàng tháng, vi phạm các thoả thuận tại khoản 6, Điều 8 của Hợp đồng tín dụng nên Ngân hàng TMCP Đ đã chuyển sang nợ quá hạn và áp dụng mức lãi suất quá hạn với mức lãi suất 130% lãi suất trong hạn theo quy định Điều 4 của Hợp đồng đã được hai bên ký kết là hoàn toàn có cơ sở.

Căn cứ bảng theo dõi tài khoản vay và bảng tính lãi phạt gốc quá hạn tạm tính đến ngày 20/01/2025:

Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông Vũ Văn S, bà Đỗ Thị H1 đã thanh toán được cho Ngân hàng TMCP Đ với tổng số tiền 1.389.088.903 đồng (Một tỷ, ba trăm tám mươi chín triệu, không trăm tám mươi tám ngàn, chín trăm lẻ ba đồng), trong đó Hợp đồng tín dụng số 01/2016/7784219 ngày 06/07/2016 là 1.192.235.758 đồng (nợ gốc: 1.027.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 161.610.973 đồng); Hợp đồng tín dụng số 01/2017/7784219/HĐTD ngày 01/08/2017 là 156.233.067 đồng (Nợ gốc: 150.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 5.477.930 đồng).

Tính đến ngày 20/1/2025, ông Vũ Văn S, bà Đỗ Thị H1 còn nợ Ngân hàng TMCP Đ với tổng số tiền là 45.660.191.528đ (Bốn mươi lăm tỷ, sáu trăm sáu mươi triệu, một trăm chín mươi một ngàn, năm trăm hai mươi tám đồng); trong đó: nợ gốc: 34.617.000.000đ (Ba mươi bốn tỷ, sáu trăm mười bảy triệu đồng); Lãi trong hạn: 9.932.765.866đ (Chín tỷ, chín trăm ba mươi hai triệu, bảy

trăm sáu mươi lăm ngàn, tám trăm sáu mươi sáu đồng); Lãi quá hạn: 1.110.425.662đ (Một tỷ, một trăm mười triệu, bốn trăm hai mươi lăm ngàn, sáu trăm sáu mươi hai đồng).

Do đó, Ngân hàng TMCP Đ khởi kiện yêu cầu ông Vũ Văn S, bà Đỗ Thị H1 phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn và tiền lãi phát sinh từ ngày 21/01/2025 cho đến khi trả hết nợ là có cơ sở nên chấp nhận.

[2.2.2]. *Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp:*

Để bảo đảm cho các khoản vay trên, ông Vũ Văn S và bà Đỗ Thị H1 thế chấp các tài sản sau: Thửa đất số 56, tờ bản đồ số 75 theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2016/7784219/HĐBĐ ký ngày 06/07/2016, được Công chứng tại Văn phòng công chứng Nguyễn Dân, số C, quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 18/7/2016 và đã được Đăng ký thế chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện L; Tàu cá số BV-97039-TS do Chi cục khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản tỉnh BRVT cấp ngày 04/07/2013 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 03/2016/7784219/HĐBĐ ngày 06/07/2016, được công chứng tại Văn phòng C1, số C, quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 18/7/2016; Tàu Đồng Tiến 02 (Giấy đăng ký tàu cá số BV-96679-TS do Chi cục thủy sản tỉnh B cấp ngày 31/10/2016 cho ông Vũ Văn S) và T4 Đồng Tiến 04 (Giấy đăng ký tàu cá số BV-95578-TS do Chi cục thủy sản tỉnh B cấp ngày 9/11/2017 cho ông Vũ Văn S) theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/2016/7222619/HĐBĐ ngày 06/07/2016, được công chứng tại Văn phòng C1, số công chứng 835, quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 18/7/2016; Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/2016/7222619/HĐBĐ ngày 06/07/2016 số 01/2016/7784219/SĐBS ngày 12/12/2016, được công chứng tại Văn phòng C1, số 380, quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 13/12/2016; Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/2017/7784219/HĐBĐ ngày 01/08/2017, được công chứng tại Văn phòng C2, số A, quyền số 01.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 01/08/2017, Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/2017/7784219/HĐBĐ ngày 01/08/2017 số 02/2017/7784219/SĐBS ngày 9/11/2017, được công chứng tại Văn phòng C2, số D, quyền số 01.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 6/4/2018 và đã được Đăng ký thế chấp tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Đà Nẵng.

Xét thấy, các tài sản thế chấp thuộc quyền sử dụng và sở hữu hợp pháp của bên thế chấp; tại thời điểm ký kết hợp đồng thế chấp các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, hoàn toàn tự nguyện; Mục đích và nội dung của thỏa thuận không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, đảm bảo điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 117 Bộ luật Dân sự; đảm bảo quy định về hình thức, có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền, việc thế chấp có đăng ký giao dịch đảm bảo. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định các hợp đồng thế chấp nói có hiệu lực pháp luật. Vì vậy, trong trường hợp ông S, bà H1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho

Ngân hàng, Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi các tài sản đảm bảo nói trên để thu hồi nợ là có cơ sở chấp nhận.

Căn cứ biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày ngày 24/9/2024 xác định trên thửa đất số 56, tờ bản đồ số 75 tọa lạc tại xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu có 01 căn nhà cấp 3 do ông S, bà H1 đang trực tiếp quản lý và sử dụng.

Căn cứ biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày ngày 15/11/2024 xác định tại thời điểm xem xét, thẩm định ghi nhận các tàu cá (số đăng ký BV – 97039-TS; BV 96679-TS và BV --TS) hiện đang neo đậu tại thị trấn T, huyện H, tỉnh Nam Định, tình trạng không hoạt động và không ai quản lý, trông coi.

Từ những phân tích đã nêu trên có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ đối với Vũ Văn S, bà Đỗ Thị H1. Buộc ông S, bà H1 có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số nợ cho Ngân hàng TMCP Đ tạm tính đến hết ngày 20/01/2025 là 45.660.191.528đ (Bốn mươi lăm tỷ, sáu trăm sáu mươi triệu, một trăm chín mươi một ngàn, năm trăm hai mươi tám đồng) và tiền lãi tiếp tục phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã được ký kết giữa Ngân hàng Đ đối với Vũ Văn S, bà Đỗ Thị H1 kể từ ngày 21/01/2025 cho đến khi ông S, bà H1 trả dứt nợ.

Trong trường hợp ông Vũ Văn S, bà Đỗ Thị H1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng TMCP Đ được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản đảm bảo để thu hồi nợ.

[2.2]. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Vũ Văn S, bà Đỗ Thị H1 phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ được chấp nhận nên Ngân hàng TMCP Đ không phải chịu án phí.

Các chi phí tố tụng khác: Ông Vũ Văn S, bà Đỗ Thị H1 phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 26.360.000đ (Hai mươi sáu triệu ba trăm sáu mươi ngàn đồng). Do Ngân hàng TMCP Đ đã nộp tạm ứng toàn bộ số tiền 26.360.000đ (Hai mươi sáu triệu ba trăm sáu mươi ngàn đồng) nên buộc ông S, bà H1 phải có nghĩa vụ hoàn trả lại toàn bộ số tiền 26.360.000đ (Hai mươi sáu triệu ba trăm sáu mươi ngàn đồng) cho Ngân hàng TMCP Đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 157; điểm b khoản 2 điều 227 và khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng; khoản 7 Điều 323; khoản 1 Điều 325 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ đối với Vũ Văn S, bà Đỗ Thị H1 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

- Buộc ông Vũ Văn S, bà Đỗ Thị H1 có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ toàn bộ số nợ tạm tính đến hết ngày 20/01/2025 với tổng số tiền là 45.660.191.528đ (Bốn mươi lăm tỷ, sáu trăm sáu mươi triệu, một trăm chín

mười một ngàn, năm trăm hai mươi tám đồng); trong đó: nợ gốc: 34.617.000.000đ (Ba mươi bốn tỷ, sáu trăm mười bảy triệu đồng); Lãi trong hạn: 9.932.765.866đ (Chín tỷ, chín trăm ba mươi hai triệu, bảy trăm sáu mươi lăm ngàn, tám trăm sáu mươi sáu đồng); Lãi quá hạn: 1.110.425.662đ (Một tỷ, một trăm mười triệu, bốn trăm hai mươi lăm ngàn, sáu trăm sáu mươi hai đồng).
Cụ thể:

+ Hợp đồng tín dụng số 01/2016/7784219/HĐTD ngày 06/07/2016: Gốc: 16.772.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 4.892.921.243 đồng; Lãi quá hạn: 589.946.470 đồng.

+ Hợp đồng tín dụng số 01/2017/7784219/HĐTD ngày 01/08/2017: Nợ gốc: 17.845.000.000đ; Lãi trong hạn: 5.039.844.623 đồng; Lãi phạt quá hạn: 520.479.192 đồng.

- Và tiền lãi tiếp tục phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng đã được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Đ và ông Vũ Văn S, bà Đỗ Thị H1 kể từ ngày 21/01/2025 cho đến khi ông S, bà H1 trả dứt nợ.

Trong trường hợp ông Vũ Văn S, bà Đỗ Thị H1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng TMCP Đ được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản đảm bảo để thu hồi nợ, gồm:

- Thửa đất số 56, tờ bản đồ số 75, diện tích: 156,4 m² (thổ cư), tọa lạc tại xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, đã được UBND Huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 914896 ngày 11/02/2015 cho ông Vũ Văn S và bà Đỗ Thị H1 theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2016/7784219/HĐBĐ ký ngày 06/07/2016, được Công chứng tại Văn phòng công chứng Nguyễn Dân, số C, quyền số 01 TP CC-SCC HĐGD ngày 18/7/2016 và toàn bộ tài sản, vật kiến trúc gắn liền với đất.

- Tàu cá (chiều dài 20,9m, Chiều rộng 5,63m, Chiều cao mạm 2,8m. Vật liệu vỏ: gỗ, máy HINO Nhật, số máy: A18969; công suất 460 sức ngựa) theo Giấy đăng ký tàu cá số BV-97039-TS do Chi cục khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp ngày 04/07/2013 cấp cho Ông Vũ Văn S theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 03/2016/7784219/HĐBĐ ngày 06/07/2016, được công chứng tại Văn phòng C1, số C, quyền số 01 TP/CC- SCC HĐGD ngày 18/7/2016 cùng toàn bộ ngư cụ gắn liền với tàu cá.

- Tàu cá (Tàu Đồng Tiến 02; chiều dài: 29,5m, chiều rộng: 7,4m, chiều cao: 3,1m, chiều chìm: 2,2m. Chất liệu vỏ thép; Máy YANMAR 6HYM-WET (số máy: 3314) và YANMAR 6HA2M-WDT (số máy: 2119) công suất 650 & 405 sức ngựa), đã được cấp Giấy đăng ký tàu cá số BV-96679-TS do Chi cục thủy sản tỉnh B cấp ngày 31/10/2016 cho ông Vũ Văn S theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/2016/7222619/HĐBĐ ngày 06/07/2016, được công chứng tại Văn phòng C1, số công chứng 835, quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 18/7/2016; Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/2016/7222619/HĐBĐ ngày 06/07/2016 số 01/2016/7784219/SĐBS ngày 12/12/2016, được công chứng tại Văn phòng C1,

số 380, quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 13/12/2016 cùng toàn bộ ngư cụ gắn liền với tàu cá.

- Tàu cá (Tàu Đồng Tiến 04; chiều dài: 29,5m, chiều rộng: 7,4m, chiều cao mạn: 3,1m, chiều chìm: 2,2m, mạn khô: 0,9m; Chất liệu vỏ thép; Máy YANMAR 6HYM-WET (số máy: 3858) và YANMAR 6HA2M-WDT (số máy: 2334) ; công suất 650 & 405 sức ngựa) đã được cấp Giấy đăng ký tàu cá số BV-95578-TS do Chi cục thủy sản tỉnh B cấp ngày 9/11/2017 cho ông Vũ Văn S theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/2017/7784219/HĐBĐ ngày 01/08/2017, được công chứng tại Văn phòng C2, số A, quyền số 01.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 01/08/2017, Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/2017/7784219/HĐBĐ ngày 01/08/2017 số 02/2017/7784219/SĐBS ngày 9/11/2017, được công chứng tại Văn phòng C2, số D, quyền số 01.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 6/4/2018 cùng toàn bộ ngư cụ gắn liền với tàu cá.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

+ Ông Vũ Văn S, bà Đỗ Thị H1 phải nộp là 153.660.000đ (Một trăm năm mươi ba triệu, sáu trăm sáu mươi ngàn đồng)

+ Ngân hàng TMCP Đ được hoàn trả lại số tiền 74.352.000đ (Bảy mươi bốn triệu, ba trăm năm mươi hai ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007016 ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

3. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Vũ Văn S, bà Đỗ Thị H1 phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 26.360.000đ (Hai mươi sáu triệu ba trăm sáu mươi ngàn đồng). Buộc ông Vũ Văn S, bà Đỗ Thị H1 phải có nghĩa vụ thanh toán lại toàn bộ số tiền 26.360.000đ (Hai mươi sáu triệu ba trăm sáu mươi ngàn đồng) cho Ngân hàng TMCP Đ.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm; riêng những người vắng mặt được tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND thị xã Phú Mỹ
- Thi hành án dân sự TX Phú Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà

NGUYỄN THỊ THÙY TRANG

